

Tr n Nam

Trung T ng Tr n Đ, trong cu n nh t ký R ng R n, đã vi t “N n chuyên chính t t ng hi n nay . Vi t Nam là t ng h p các t i ác ghê t m c a T n Thu Hoàng và các vua quan tàn b o c a Trung Qu c, c ng v i t i ác c a các ch đ phát xít, đ c tài”. M t ng i c đ i đi theo đ ng, t ng gi nh ng tr ng trách cao c p nh ng cu i đ i đã d ũng c m quay l i phê phán đ ng. Nh n xét c a T ng Tr n Đ đáng cho chúng ta suy g m. Nh c đ n T n Th y Hoàng, là nh c đ n ch đ “đ t sách v , chôn s ng h c trò”.

M t ch đ tàn ác trên c t n cùng c a t i ác. Tâm đ m chính sách tàn b o đ i T n là “dùng t t c tài nguyên trong thiên h đ ph ng s cho s cai tr c a Hoàng Đ”. Đ đ t m c tiêu này, T n Th y Hoàng đã gieo r c s kh ng khi p trong nhân dân, s đ ng lu t l tàn b o, tra t n và tr ng ph t nh m tr n áp nh ng ai dám ch ng l i chính sách c a T n. Chính sách đàn áp, tra t n và tr ng ph t nhà T n không nh ng ch nh m vào ng i ph m t i mà luôn c gia đình, thân nhân, dòng h c a k ph m t i, nh m gây khi p d m trong thiên h , gi ch đ T n Th y Hoàng đ c t n t i. N i b t lên trên s d m c a nhà T n là ch tr ng tri t đ ki m soát t t ng, đ c quy n chân lý, c m t t c nh ng chính ki n ng c l i quan đ m c a Hoàng Đ. Đ i nhà T n, nh ng ai dám phê phán tri u đ ình đ u b gi t. Đ cho ch c ăn, b o đ m không b t c ai có th gieo r c t t ng ng c l i quan đ m c a Hoàng Đ, T n Th y Hoàng ra l nh “đ t sách v và chôn s ng h c trò”.

Nh ng k ph n kháng, nh ng k đ i ngh ch có hành đ ng nguy hi m cho tri u đ ình, n ng thì b gi t, nh thì b tù, thân b đầy đi làm nô l . Th i T n, dân s ch ng 10 tri u, thì đã có h n hai tri u ng i b b t làm nô l , b đầy i, b ch t thăm bên b t ng V n Lý Tr ng Thành. S sách ghi nh n, s h c trò b gi t nhi u đ n n i quan ch c nhà T n ph i đ y ra bi n cho ch t, thay vì đem chôn s ng. Đ i T n, t i n ng nh t là “T Do T T ng”. Các sách nh T Th , Ngũ Kinh đ u b đem đi đ t h t. C n c ch đ c l u truy n sách bói toán, sách tr ng tr t. . v. v...K nào dám l u tr , truy n bá các sách b c m. N u b b t s b truy t t i “ph n ngh ch”, ch u hình ph t bêu đ u. M t ch đ cai tr tàn đ c, d m nh t cũng không đ ng v ng đ c 100 năm. Nhà T n x p đ ch trong vòng 15 năm (221 TCN - 206 TCN), k t thúc trang s đ m máu c a v Hoàng Đ tàn b o nh t trong l ch s nhân lo i. Ch đ đ c tài CS cai tr Vi t Nam t năm 1945-2008. Tr i qua bao th ng tr m, CS đã t n t i 63 năm. M c dù không l l i u “chôn s ng h c trò”, nh ng nhà c m quy n Hà N i, vào nh ng ngày đ u chi m chánh quy n Mi n Nam, đ ng CSVN t ng thi hành chính sách, t ch thu và “đ t sách v Ng y”, đ i v i các viên ch c, trí th c c a ch đ cũ thì “b đầy i, giam c m” cho đ n ch t, thân tàn ma đ i n i r ng sâu n c đ c.

Gần đây, không nguyên thủ quốc gia nào cáo chung của chế độ nghĩa công xã, chính sách cai trị Đảng CSVN tình hình, những mục tiêu và là tìm kiếm cách kiểm soát và điều kiện trong. Trong chính trị, kinh tế, tôn giáo đời sống xã hội, văn hoá, truyền thông, giáo dục, báo chí, giới trí v. v. . Không lãnh vực nào không có sự hiện diện và kiểm soát chặt chẽ của Đảng CSVN. Điều này, không khác gì trong những chế độ của Tôn Thu Hoàng, “lấy huyết của cá trong thiên hạ mà phụng sự cho ngai vàng của Hoàng Đế”. Đối với Tôn Thủy Hoàng, thì những nhốt là “Tội do Tội tội” thì đối với Đảng CSVN, cũng không có khác biệt. Về án Nhân văn Giai phẩm, những cuộc đàn áp các nhà bất đồng chính kiến như bất đồng gia văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà giáo Vũ Hùng, nhà thơ Trần Đức Thạch, sinh viên Ngô Quỳnh, chế độ Phạm Thanh Nghiên... v. v. , những bị án tù cáo buộc vì phạm tội “88” tội “làm ra và tàng trữ tài liệu chống chế độ” dành cho Linh mục Nguyễn Văn Lý, luật sư Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, bác sĩ Lê Nguyên Sang, luật sư Trần Quốc Hiến, Nguyễn Bắc Truyến, ký giả Huỳnh Nguyên Đức v. v.... đều nằm trong phạm trù không chấp nhận quy định “Tội do Tội tội”. Nếu có khác đối với, thay vì dã man “đốt sách vở, chôn sống học trò” thì tình khốn và tàn độc hơn, Đảng CSVN đã và đang thi hành chính sách “hủy” Tội “cấm sách vở, giam học trò”. Mục tiêu của chế độ toàn trị và là triệt hạ tất cả những đối nghịch, để những cái lợi quan trọng “chế độ xã hội” của chế độ công quy định. Đảng CSVN trên dòng máu những người trong tay như công an, nhà tù, luật pháp để huân diệt những mục mống phản kháng, những giới chính quyền để tài sản để này sang để khác. Đảng CSVN bắt giữ học sinh của chế độ quy định tội, bắt giữ những lại để những cái đi về đâu, bắt giữ nhân dân phản đối, cầm học để những cái để nào.

Nếu Việ t Nam không có chế độ “truyền ngôi” thô bạo như ở Bắc Hàn, hoặc phản đối “anh họ truyền ngôi cho em” như ở Cuba; thì sự liên tục cai trị của chế độ để để để, hết thế hệ này CS này, đến thế hệ thế hệ khác cũng là hình thức đánh tráo quy định. Trong khuôn mẫu dòng họ truyền ngôi, nhà nước học phong kiến CSVN đã ma mãnh, biến thái qua mô thức truyền nhau vai trò lãnh đạo suốt 63 năm qua. Lãnh tụ CS Joseph Stalin từng nói “Tội tội những mục đích học sinh. Chúng ta không cho kẻ thù có súng thì tại sao lại để bọn chúng có tội tội những chế”. (1) Stalin, chế độ truyền ngôi để để để và tội tội để để để, phản kháng, dám chế trích chế để Sô Việ t. Thế là Stalin, bắt bao kẻ vô tội, trong và ngoài để để, đã chế chế vì bị đầy để để các nhà tù ở vùng băng tuyết Tây Bá Lợi Á. Văn hào Nga, Alexander Solzhenitsyn, người để để để để để Nobel Văn Chương năm 1970, là nhân chứng sống cho nhân loại trước sự tàn ác khủng khiếp của chế độ nhà tù thế là Stalin. “Ai dám chế để để và tìm cách chế để để để để, kẻ đó phải ở hàng ngũ lãnh đạo và sau đó sẽ bị tiêu diệt và tình thế và thế xác. Điều này đã xảy ra sau Đại hội thế XVII của để để, khi một người lãnh tụ xuất sắc của để để và các để để để để để - bắt bao chế định sự trung thực và ngay thế của sự nghiệp chế để để để - đã là một nhân của sự bạo ngược của Stalin. ” Đó là bọn báo cáo Mết mà chính Thế hệ thế hệ Đảng CS Liên xô Khrushov đã báo cáo về Stalin.

Dù vậy, chế độ nghĩa Công xã ở Liên Bang Sô Việ t, sau nhiều năm gieo rắc tai họa cho nhân loại, đã kéo dài 73 năm, bằng tuổi thế của một đời người. Các chế độ thế phong kiến, thế dân để

phát xít, còng sòng qua đợc tài toàn trợ đợc sữ hải quy n “Tợ do Tợ tợ ng”. Mợ t quy n tợ nhiên, khi sinh ra con ngợ i đã có. Nó là hợ i thợ cợ a sợ sợ ng, trong đó con ngợ i đúng nghĩa phợ i đợ c quy n tợ duy đợ c lợ p, không bợ chi phợ i và kiợ m soát bợ i bợ t cợ quy n lợ c đợ c đoán nào. Tợ do tợ tợ ng không phợ i là thợ xa xí phợ m mà chợ đợ đợ c tài dành quy n ban phát. Tợ bợ n thân, giá trợ cợ a “tợ do tợ tợ ng” đã hình thành khi nhân loợ i hiợ n hợ u, nhợ cách nói “tôi tợ duy tợ c là tôi hiợ n hợ u”. Mợ t sợ hiợ n hợ u trợ n vợ n, đợ c lợ p không bợ trợi buợ c bợ i nhợ ng quy n lợ c giợ hình. Trong bợ n Hiợ n chợ ng Quợ c tợ Nhân Quy n, quy n tợ do tợ tợ ng và phát biợ u quan đợ m, đợ u 19 ghi “Ai cũng có quy n tợ do tợ tợ ng và phát biợ u chính kiợ n cợ a m? ờnh, đợ c quy n tợ do giợ vợ ng quan đợ m mà không bợ ngợ i khác can thiợ p. Ai cũng có quy n tợ? ờm kiợ m, tiợ p nhợ n và phợ biợ n tin tợ c và sợ kiợ n vợ mợ i vợ n đợ , bợ ng mợ i phợ ng tiợ n truy n thông không phân biợ t biên giợ i quợ c gia” Tợ do tợ tợ ng là mợ t quy n căn bợ n nợ m trong nhiợ u quy n, gợ i chung là Nhân Quy n. Bao gợ m quy n tợ do báo chí, tợ do lợ p hợ i, tợ do đi lợ i, tợ do tôn giáo v. v. . . Tuy nhiên, đợ cai trợ và bợ o vợ chợ đợ , nhợ ng nhà nợ c toàn trợ , luôn tìm mợ i cách kiợ m soát chợ t chợ quy n tợ do tợ tợ ng. Viợ c này, Bợ n Tuyên ngôn Quợ c tợ Nhân quy n trong phợ n mợ đợ u đã cợ nh báo các chợ đợ đợ c tài... “viợ c coi thợ ng và khinh miợ t nhân quy n đã đợ a tợ i nhợ ng hành đợ ng đã man làm phợ n nợ lợ ng tâm nhân loợ i, và viợ c đợ t tợ i mợ t thợ giợ i trong đó mợ i ngợ i đợ c tợ do ngôn luợ n và tợ do tín ngợ ng, đợ c giợ i thoát khợ i sợ sợ hảii và khợ n cùng, đợ c tuyên xợ ng là nguy n vợ ng cao cợ nhợ t cợ a con ngợ i”. Tợ do tợ tợ ng là quy n bợ m sinh, nó hiợ n hợ u và hình thành trợ c các chợ đợ chính trợ . Và nhiợ u chợ đợ chính trợ đã nhợ rao giợ ng quy n “tợ do tợ tợ ng” này đợ nợ m đợ c chính quy n.

Ông Hợ Chí Minh, ngày 2 tháng 9 năm 1945 tợ i Hà nợ i, khi đợ c bợ n Tuyên Ngôn Đợ c Lợ p, đã tợ ng nhợ c nhợ “Tợ tợ cợ mợ i ngợ i sinh ra đợ u bình đợ ng. Trợ i cho hợ nhợ ng quy n không ai có thợ xâm phợ m đợ c; trong nhợ ng quy n ợ y, có quy n đợ c sợ ng, quy n tợ do và quy n mợ u cợ u hợ nh phúc. Lợ i bợ t hợ ợ y trong bợ n Tuyên Ngôn Đợ c Lợ p năm 1776 cợ a nợ c Mợ , suy rợ ng ra câu ợ y có ý nghĩa là tợ tợ cợ các dân tợ c trên thợ giợ i sinh ra đợ u bình đợ ng; dân tợ c nào cũng có quy n sợ ng, quy n sung sợ ng và quy n tợ do. Bợ n tuyên ngôn Nhân Quy n và Dân Quy n cợ a Cách mợ ng Pháp năm 1791 cũng nói: Ngợ i ta sinh ra tợ do và bình đợ ng vợ quy n lợ i và phợ i luôn luôn đợ c tợ do và bình đợ ng vợ quy n lợ i. Đó là nhợ ng lợ phợ i không ai chợ i cợi đợ c”. Đúng vợ y, “đó là nhợ ng lợ phợ i không ai chợ i cợi đợ c” kợ cợ Đợ ng CSVN. Nhợ ng đợ n khi nợ m đợ c chính quy n thì ông Hợ và Đợ ng CS cợ a ông lợ i phợ n bợ i ngay mợ c tiêu đã tợ ng chiợ n đợ u và cợ xuy. Mợ t chợ đợ cai trợ nhân dân chợ biợ t đợ a vào sợ c mợ nh cợ a bợ o lợ c, chợ đợ đó, tợ bợ n chợ tợ sợ không ợ n đợ nh và bợ n vợ ng lâu dài. Khi sợ c mợ nh cợ a công an, mợ t vợ , pháp luợ t rợ ng và nhà tù không còn là nợ i sợ hảii cợ a nhân dân, chợ đợ sợ nhanh chóng sợ p đợ . Khi đám đông khợ n cùng dám ngợ ng cao đợ u đi đợ n lao tù, chợ p nhợ n bợ đày ợ i; đó cũng là lúc tiợ ng chuông vang báo tợ cợ a chợ đợ đợ c tài, toàn trợ